

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bử
2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Số X, khu phố BL, thị trấn T, huyện T, tỉnh LA.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Số Y, khu phố BL, thị trấn T, huyện T, tỉnh LA.

(Ông P có đơn xin vắng mặt, bà N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P trình bày: Vào khoảng năm 1994 - 1995, ông và bà Trần Thị N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng đến ngày 27/9/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng hạnh phúc với nhau cho đến khoảng đầu năm 2021 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về con chung: Ông và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc P1 sinh ngày 12/12/1995 và Nguyễn Tấn T sinh ngày 23/12/2003, hiện cả 02 con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông sẽ tự thỏa thuận với bà N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông P về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn; về con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và về nợ chung bà xác định không có nợ ai như ông P trình bày nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng về tài sản chung thì bà sẽ tự thỏa thuận với ông P, khi nào có tranh chấp mà không tự giải quyết được trong nội bộ gia đình thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Tuy nhiên, bà N cho rằng mâu thuẫn gia đình vì nguyên do ông P không chung thủy, tự bỏ nhà ra đi để chung sống với người phụ nữ khác, bà ngăn cản ông còn chửi mắng bà. Vì giữa vợ chồng thật sự có mâu thuẫn nhưng do lỗi của ông P nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông P. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà N có yêu cầu ông P có mặt tại Tòa.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Ngọc P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị N, bà N hiện đang cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh LA. Vì vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Ly hôn” thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn có mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P xin ly hôn với bà Trần Thị N, thấy rằng: Ông Nguyễn Ngọc P và bà Trần Thị N tự nguyện

tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, đăng ký ngày 27/9/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An cho nên quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà N được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông P và bà N đều xác định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và cả hai đều đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông P được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông P và bà N trình bày thống nhất là ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc P1 sinh ngày 12/12/1995 và Nguyễn Tấn T sinh ngày 23/12/2003, hiện cả 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Ông P và bà N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Ông P và bà N đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp có tranh chấp thì có quyền khởi kiện một vụ án khác.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khấu trừ số tiền ông P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007394 ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên ông P đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc P về việc “Ly hôn” đối với bà Trần Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc P được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007394 ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông P đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND thị trấn Tân Trụ, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng Dung